

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

+ Ông Cai Thành Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 01/6/1995; số căn cước công dân: 052195012110; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ liên lạc: Thôn B, phường A, tỉnh Gia Lai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn* chị Nguyễn Thị Thanh T:

Luật sư Lê Văn K – Luật sư Công ty L, địa chỉ: Phường B, tỉnh Đắk Lắk – Chi nhánh tại phường B; địa chỉ: số A L, phường B, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tổng V, sinh ngày: 05/11/1989; số căn cước công

dân: 052089006021; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai.

(Chị T, ông K có mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Tổng V tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 25/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tổng V.

Chị với anh Nguyễn Tổng V có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 23/10/2017 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/6/2021. Trước đây khi vợ chồng sống ly thân cháu K1 ở với chị và do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Đ ở với anh V nhưng cách đây khoảng 01 năm gia đình chồng vô nhà chị nói dẫn cháu K1 về nội chơi rồi giữ lại ở đó cho đến nay mặc dù chị đã nhiều lần yêu cầu anh V cho chị dẫn cháu K1 về chăm sóc nhưng anh V không cho chị dẫn cháu về phía gia đình của chị mà tìm cách ngăn cản. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu K1, giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: về hôn nhân: vợ chồng chị T, anh V đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho vợ chị T, anh V ly hôn; về con chung: chị T hiện tham gia lao động có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên đề nghị giao cháu Nguyễn Minh K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ; về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp; các vấn đề khác thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn anh Nguyễn Tổng V vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị T kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Tổng V vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn anh V, giao con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/6/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 23/10/2017 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tổng V. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Tổng V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Tổng V tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cũ, nay là xã P, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/10/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh V được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Tổng V tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 25/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tổng V.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Tổng V phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh V không chăm lo cho gia đình. Từ 8/2023 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh V. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tổng V nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh V đều vắng mặt. Qua kết quả xác minh tại Ban thôn nhân dân thôn H và gia đình anh V thì được biết anh V hiện nay đăng ký thường trú và cư trú sinh sống tại thôn H, xã P, tỉnh Gia Lai, gia đình anh V cũng xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Việc anh V không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tổng V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.4]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Tổng V có 02 người con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 23/10/2017 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/6/2021. Hiện tại sức khỏe cháu Đ, cháu K1 phát triển bình thường và đang ở với anh V. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị T xin nhận nuôi cháu K1, giao cháu Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu giải quyết quan hệ con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu Đ, cháu K1 hiện tại đang ở với anh V; khi vợ chồng sống ly thân cháu K1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng một thời gian, quá trình chuẩn bị xét xử và

tại phiên tòa chị T tha thiết có nguyện vọng xin nhận nuôi cháu K1, Hội đồng xét xử xét thấy chị T hiện tại có tham gia lao động tạo ra thu nhập đảm bảo việc nuôi con, việc giao mỗi người nuôi một người con làm đỡ gánh nặng cho anh V, hơn nữa chị T đã mang nặng đẻ đau, tình mẫu tử là thiêng liêng nên nguyện vọng của chị T xin nhận trực tiếp nuôi cháu K1 là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tại biên bản ghi lời khai cháu Nguyễn Minh Đ vào ngày 11/5/2026 nguyện vọng của cháu muốn ở với cha nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tổng V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Tổng V.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày: 20/6/2021 và giao cho anh Nguyễn Tổng V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 23/10/2017. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc anh Nguyễn Tổng V phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Minh K1 cho mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh T để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004037 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh